

Số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-12-2021.

V/v: *Không công nhận vợ chồng giữa  
ông Trương Công T và bà Hoàng Thị P.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cầm Văn Nam và Bà Phạm Thị Tư.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, về “*Không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Trương Công T**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 45/51, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

**2. Bị đơn:** Bà **Hoàng Thị P**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số nhà 45/8/21B, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ *Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Công T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị P tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà P thay đổi tính tình, không có công ăn việc làm, ra ngoài xã hội chơi huê nhỏ lẻ với người khác, không lo kinh tế, không chăm sóc gia đình, một mình ông phải nuôi dạy con cái và chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Ông đã khuyên can, hòa giải nhiều lần nhưng bà P không sửa đổi. Vợ chồng ông đã sống ly thân khoảng năm 2013 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống không ai còn

quan tâm đến nhau nữa. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận ông và bà Hoàng Thị P là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung có họ và tên là Trương Công Đ, sinh ngày 16/3/1993, Trương Công Đ1, sinh ngày 26/11/1994 và Trương Thị Thu T, sinh ngày 13/01/1999. Hiện tại 03 con đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hoàng Thị P yêu cầu ông hỗ trợ cho 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để bà lo cuộc sống riêng thì ông đồng ý.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Công T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà tuổi cao thay đổi tính tình, không có công ăn việc làm, ra ngoài xã hội chơi huê nhỏ lẻ với người khác, không lo kinh tế, không chăm lo gia đình, một mình ông T tự lo kinh tế và chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Ông T đã khuyên can bà nhiều lần nhưng bà không sửa đổi được. Vợ chồng sống ly thân khoảng năm 2012, năm 2013, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông Trương Công T là vợ chồng

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung có họ và tên là Trương Công Đ, sinh ngày 16/3/1993, Trương Công Đ1, sinh ngày 26/11/1994 và Trương Thị Thu T, sinh ngày 13/01/1999. Hiện tại 03 con đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu ông Trương Công T tự nguyện hỗ trợ cho bà 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để bà lo cuộc sống về sau.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, Tòa án lập biên bản hòa giải không đúng mẫu theo Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 9, 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Công T về không công nhận vợ chồng với bị đơn bà Hoàng Thị P. Về con chung: có 03 con chung có họ và tên là Trương Công Đ, sinh ngày 16/3/1993,

Trương Công Đ1, sinh ngày 26/11/1994 và Trương Thị Thu T, sinh ngày 13/01/1999, hiện tại 03 con đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông T cho bà P số tiền 50.000.000đ để trang trải cuộc sống; nợ chung: không có, không xem xét; về án phí: Ông Trương Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ông Trương Công T và bà Hoàng Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không đăng ký kết hôn và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bà P. Căn cứ khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Không công nhận vợ chồng”.

Bị đơn bà Hoàng Thị P, ở địa chỉ: Số nhà 45/8/21B, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trương Công T và bị đơn bà Hoàng Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Công T và bà Hoàng Thị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn.

Quá trình sống chung theo ông T và bà P đều xác định: Bà Hoàng Thị P tuổi cao, thay đổi tính tình, không có công ăn việc làm, ra ngoài xã hội chơi huê nhỏ lẻ với người khác, không lo kinh tế, không chăm lo gia đình, một mình ông T tự lo kinh tế và chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Ông T đã khuyên can bà P nhiều lần nhưng bà P không sửa đổi được. Vợ chồng sống ly thân khoảng năm 2012, năm 2013, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

*Tại văn bản ghi ngày 12/11/2021 đối với anh Trương Công Đ1 là con ruột của ông T, bà P, có nội dung:* Cha anh là ông T và mẹ là bà P sống chung hạnh phúc đến năm 2011, về sau anh thấy cha, mẹ thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà P không có công ăn việc làm, ra ngoài xã hội chơi huê hụi với nhiều người, không quan tâm, không mang tiền về và thường xuyên chửi mắng các con. Anh được chứng kiến nhiều lần ông T tha thứ, khuyên ngăn nhưng bà P không sửa chữa, thay đổi. Anh đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ vợ chồng của ông T, bà P theo quy định của pháp luật.

*Tại văn bản ghi ngày 03/12/2021 đối với ông Nguyễn Công T là Tổ trưởng Tổ dân phố 6 phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung:* Ông T và bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 6, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng từ năm 1991 và ở ổn định cho đến nay. Địa phương có biết ông T, bà P sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn.

*Tại văn bản ghi ngày 06/12/2021 đối với UBND phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung:* Theo sổ bộ theo dõi đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố B được lưu trữ tại Phòng Tư pháp thành phố B, mốc thời gian từ cuối năm 1994 cho đến nay, xác định: Ông Trương Công T, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1967 không đăng ký kết hôn.

Xét thấy hôn nhân giữa ông T và bà P lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích không đạt được, ông T và bà P đã sống ly thân nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn lại gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử không công nhận vợ chồng giữa ông Trương Công T và bà Hoàng Thị P.

+ Về con chung: Vợ chồng ông T, bà P có 03 con chung có họ và tên là Trương Công Đ, sinh ngày 16/3/1993, Trương Công Đ1, sinh ngày 26/11/1994 và Trương Thị Thu T, sinh ngày 13/01/1999. Hiện tại 03 con của ông T, bà P đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Ông T, bà P đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị P yêu cầu ông Trương Công T hỗ trợ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để bà P trang trải cuộc sống. Ông T đã tự nguyện hỗ trợ số tiền này nên ghi nhận.

+ Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Công T về “Không công nhận vợ chồng” đối với bị đơn bà Hoàng Thị P.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Trương Công T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 144, 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ...án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Công T về “Không công nhận vợ chồng” đối với bị đơn bà Hoàng Thị P.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa ông Trương Công T và bà Hoàng Thị P.

**3.** Về quan hệ tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Công T hỗ trợ cho bà Hoàng Thị P số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để trang trải cuộc sống.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**4. Về án phí:** Ông Trương Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0004640 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Ông Trương Công T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + UBND xã Lộc Thanh, Tp. B;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Vũ Đức Công**